

Số: 370/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 02 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 312/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Thân T, sinh năm 1982

- Ông Trần Q, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: NM Huỳnh P, Tổ 33, Khu phố 4, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thân T và ông Trần Q tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2005, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2005)

Vợ chồng sống hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Hiện nay, bà Thân T và ông Trần Q xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Thân T và ông Trần Q cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Thân T và ông Trần Q xác nhận có 02 con chung là Trần BH (nữ), sinh ngày 07/12/2007 và Trần GH (nam), sinh ngày 20/10/2009.

Bà Thân T và ông Trần Q thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn:

Ông Q đồng ý để bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Trần BH và trẻ Trần GH, bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Thân T và ông Trần Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Thân T và ông Trần Q xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Thân T và ông Trần Q chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thân T và ông Trần Q thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/9/2005 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà Thân T và ông Trần Q xác nhận có 02 con chung là Trần BH (nữ), sinh ngày 07/12/2007 và Trần GH (nam), sinh ngày 20/10/2009.

Bà Thân T và ông Trần Q thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn:

Ông Q đồng ý để bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Trần BH và trẻ Trần GH, bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Q.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Thân T và ông Trần Q cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0042706 ngày 16/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T và ông Q đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy